

Châu Thành, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Số: 26/2025/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào khoản 02 Điều 357 Bộ luật Dân sự;
Căn cứ vào các Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 301/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:
Nguyên đơn: Bà Chung Thị L, sinh năm 1962.
Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh
Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q năm 1964.
Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh

2. Sự thỏa thuận của các đương sự về số tiền phải trả, thời gian trả và án phí dân sự cụ thể như sau:

Về số tiền phải trả: Ông Nguyễn Văn Q1 bà Chung Thị L tự N thỏa thuận với nhau như sau: Ông Nguyễn Văn Q2 nguyện trả cho bà Chung Thị L1 tiền hụi còn nợ là 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng*). Phần tiền lãi bà L không yêu cầu.

Thời gian trả tiền: Các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận thời gian ông Nguyễn Văn Q3 tiền cho bà Chung Thị L2 Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Chung Thị Lữ N nộp số tiền án phí là 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng do bà L3 diện được miễn tiền tạm ứng án phí (Người cao tuổi) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án chấp thuận cho bà được miễn nộp án phí phần mà bà phải nộp.

Ông Nguyễn Văn Q2 nguyện nộp số tiền án phí là 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng do ông Q4 diện được miễn tiền tạm ứng án phí (Người cao tuổi) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án chấp thuận cho ông được miễn nộp án phí phần mà ông phải chịu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 09 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Liên